

**BỘ TÀI CHÍNH-
BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 107/2010/TTLT-BTC-TNMT

Hà Nội, ngày 26 tháng 7 năm 2010

THÔNG TƯ LIÊN TỊCH

**Sửa đổi, bổ sung Thông tư liên tịch số 125/2003/TTLT-BTC-BTNMT
ngày 18/12/2003 và Thông tư liên tịch số 106/2007/TTLT-BTC-BTNMT
ngày 06/9/2007 hướng dẫn về phí bảo vệ môi trường đối với nước thải**

Căn cứ Nghị định số 57/2002/NĐ-CP ngày 03/6/2002 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Pháp lệnh phí và lệ phí; Nghị định số 24/2006/NĐ-CP ngày 06/3/2006 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 57/2002/NĐ-CP ngày 03/6/2002 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Pháp lệnh phí và lệ phí;

Căn cứ Nghị định số 67/2003/NĐ-CP ngày 13/6/2003 của Chính phủ về phí bảo vệ môi trường đối với nước thải; Nghị định số 04/2007/NĐ-CP ngày 08/01/2007 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung Nghị định số 67/2003/NĐ-CP ngày 13 tháng 6 năm 2003 của Chính phủ về phí bảo vệ môi trường đối với nước thải; Nghị định số 26/2010/NĐ-CP ngày 22/3/2010 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 8 Nghị định số 67/2003/NĐ-CP ngày 13/6/2003 của Chính phủ về phí bảo vệ môi trường đối với nước thải;

Căn cứ Nghị định số 118/2008/NĐ-CP ngày 27/11/2008 của Chính phủ về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính;

Căn cứ Nghị định số 25/2008/NĐ-CP ngày 04/3/2008 của Chính phủ về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

Liên Bộ Tài chính - Bộ Tài nguyên và Môi trường hướng dẫn một số nội dung về phí bảo vệ môi trường đối với nước thải như sau:

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung Thông tư liên tịch số 125/2003/TTLT-BTC-BTNMT

1. Sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 1 Mục V như sau:

“b) Phần còn lại (sau khi trừ đi số phí trích để lại cho đơn vị cung cấp nước sạch, Ủy ban nhân dân xã, phường) được nộp vào ngân sách địa phương và sử dụng theo hướng dẫn tại khoản 3 mục V Thông tư này”.

2. Sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 2 Mục V như sau:

“b) Phần còn lại (80% trên tổng số tiền phí bảo vệ môi trường đối với nước thải công nghiệp thu được) được nộp vào ngân sách địa phương và sử dụng theo hướng dẫn tại khoản 3 mục V Thông tư này”.

3. Sửa đổi, bổ sung khoản 3 Mục V như sau:

“3) Phần còn lại nộp 100% vào ngân sách địa phương để sử dụng cho việc bảo vệ môi trường, đầu tư mới, nạo vét cống rãnh, duy tu, bảo dưỡng hệ thống thoát nước tại địa phương, bảo vệ chất lượng nước các nguồn nước (trong đó có chất lượng nước của các công trình thủy lợi), bổ sung vốn hoạt động cho Quỹ Bảo vệ môi trường của địa phương (nếu đã thành lập), trả nợ vay đối với các khoản vay của các dự án thoát nước thuộc nhiệm vụ chi của ngân sách địa phương.

Việc chi trả, thanh toán các khoản chi từ phần phí bảo vệ môi trường đối với nước thải nộp vào ngân sách nhà nước được thực hiện theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn thi hành”

Điều 2. Sửa đổi, bổ sung Thông tư liên tịch số 106/2007/TTLT-BTC-BTNMT

1. Sửa đổi, bổ sung khoản 4 như sau:

“4. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 mục IV Thông tư số 125/2003/TTLT-BTC-BTNMT như sau:

2. Phí bảo vệ môi trường đối với nước thải công nghiệp

a) Đối tượng nộp phí bảo vệ môi trường đối với nước thải công nghiệp có nghĩa vụ:

- Khai kê số phí phải nộp hàng quý với Sở Tài nguyên và Môi trường nơi thải nước theo đúng quy định (mẫu số 02 ban hành kèm theo Thông tư này) trong vòng 5 ngày đầu tháng đầu tiên của quý tiếp theo và bảo đảm tính chính xác của việc kê khai;

- Nộp đủ, đúng hạn số tiền phí phải nộp vào tài khoản “Tạm thu phí bảo vệ môi trường đối với nước thải” tại Kho bạc nhà nước theo thông báo của Sở Tài nguyên và Môi trường, nhưng chậm nhất không quá ngày 15 tháng đầu tiên của quý tiếp theo;

- Quyết toán tiền phí phải nộp hàng năm với Sở Tài nguyên và Môi trường trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày 01 tháng 01 hàng năm.

b) Sở Tài nguyên và Môi trường có nhiệm vụ:

- Thẩm định tờ khai phí bảo vệ môi trường đối với nước thải công nghiệp. Chậm nhất không quá ngày 10 tháng đầu tiên của quý tiếp theo, ra thông báo số phí bảo vệ môi trường đối với nước thải công nghiệp phải nộp vào ngân sách nhà nước cho đối tượng nộp phí (theo mẫu số 03 ban hành kèm theo Thông tư này).